

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 108/2020/HN-ST

Ngày: 29-6-2020

V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Đức
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Võ Thanh Nhân**
2. Ông **Huỳnh Tấn Khoa**

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Phước Sang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp “**Ly hôn**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 195/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Hoàng T**, sinh năm 1992 (Có mặt);*

Địa chỉ: ấp ML, xã MA, huyện CM, tỉnh An Giang.

*- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Bích D**, sinh năm 1996 (Vắng mặt);*

Địa chỉ: ấp ML, xã MA, huyện CM, tỉnh An Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và tờ tự khai nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng T trình bày, anh và chị Nguyễn Thị Bích D tìm hiểu và tiến đến hôn nhân vào năm 2014, có đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã, vợ cờ bạc. Vợ chồng không còn sống chung từ năm 2018 đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, anh Nguyễn Hoàng T xin ly hôn với chị Nguyễn Thị Bích D.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có một con chung tên Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 26/5/2014, hiện nay con chung đang sống chung với anh T. Sau khi ly hôn anh Nguyễn Hoàng T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; không yêu cầu chị Nguyễn Thị Bích D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có.

Chị Nguyễn Thị Bích D đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án xin ly hôn của anh Nguyễn Hoàng T và được triệu tập họp lệ để giải quyết, nhưng chị không có ý kiến gì và vắng mặt trong các buổi hòa giải nên không ghi nhận ý kiến và hòa giải được.

Tại phiên tòa, anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Chị Nguyễn Thị Bích D đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia phiên tòa, nhưng chị vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Về hình thức: Anh Nguyễn Hoàng T khởi kiện xin ly hôn chị Nguyễn Thị Bích D có nơi cư trú ấp ML, xã MA, huyện CM, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Chị Nguyễn Thị Bích D đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ 02, nhưng chị vắng mặt không lý do chính đáng. Căn cứ Điều 227, Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Bích D là có căn cứ.

[2]- Về nội dung: Chị Nguyễn Thị Bích D và anh Nguyễn Hoàng T sống chung vào năm 2014, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống chung được 03 năm phát sinh mâu thuẫn, theo anh T, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã, vợ cờ bạc. Vợ chồng không còn sống chung từ năm 2018 đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, anh T xin ly hôn chị D. Hội đồng xét xử xét thấy, anh T và chị D kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong quá trình giải quyết, chị D đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án xin ly hôn của anh T, nhưng chị không có ý kiến gì và vắng mặt trong các buổi hòa giải. Điều này chứng tỏ tình cảm của chị D đối với anh T đã không còn, mâu thuẫn giữa hai người đã trầm trọng, nếu sống chung lại cũng không hạnh phúc. Do đó, việc anh T xin ly hôn chị D là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.1]- Về quan hệ con chung: Anh T xác định vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 26/5/2014, hiện đang sống chung với anh T. Sau khi ly hôn, anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi vợ chồng không còn sống chung đến nay, anh T là người trực tiếp nuôi cháu N, nên tình cảm của cháu đã gắn liền với người

nuôi dưỡng, nếu thay đổi sẽ làm ảnh hưởng đến sự phát triển của cháu N. Do đó, yêu cầu của anh T phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, có cơ sở chấp nhận.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con, anh T không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung: Anh T xác định không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[2.4]- Về nợ chung: Anh T xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]- Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 28, 35, 39, 147, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh **Nguyễn Hoàng T** xin ly hôn chị **Nguyễn Thị Bích D**.

Về quan hệ con chung: Anh Nguyễn Hoàng T được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 26/5/2014, hiện đang sống chung với anh T. Chị D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Hoàng T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về quan hệ tài sản chung: Anh T xác định không có.

Về nợ chung: Ghi nhận anh T xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì anh T và chị D vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí: Anh Nguyễn Hoàng T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0007956 ngày 04/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- UBND xã Mỹ An;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Đức